

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Nước tại đồng hồ tổng Km7 cấp nước dự án VHSM.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 19L.
- Ngày nhận mẫu: 04/06/2026.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong bình nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/06/2026 đến ngày: 25/06/2026.
- Ngày hoàn thành: 25/06/2026.



TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
1	Trực khuẩn mũ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0
2	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	< 1	0
3	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,02	KPH (GHPH = 0,0010)
4	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	1,3	0,034
5	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	2,4	KPH (GHPH = 0,010)
6	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,003	KPH (GHPH = 0,0010)
7	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,01	KPH (GHPH = 0,0010)
8	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	250	7,76
9	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,05	< 0,0030
10	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	1	KPH (GHPH = 0,0030)
11	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	300	114
12	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	1,5	< 0,15
13	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	2	KPH (GHPH = 0,0030)
14	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,1	KPH (GHPH = 0,0030)
15	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	200	2,33
16	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,2	0,132
17	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,07	KPH (GHPH = 0,003)
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	11	0,190
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,9	KPH (GHPH = 0,01)
20	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,3	KPH (GHPH = 0,010)
21	Selen (Se)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,04	0,0062
22	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	250	7,89
23	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ F:2023	0,05	KPH (GHPH = 0,015)
24	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,001	KPH (GHPH = 0,0003)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000	94
26	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (GHPH = 0,005)
27	1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	2000	KPH (GHPH = 0,10)
28	1,2 - Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	30	KPH (GHPH = 0,10)
29	1,2 - Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	50	KPH (GHPH = 0,20)
30	Carbon tetrachloride (CCl ₄)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	2	KPH (GHPH = 0,10)
31	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
32	Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₄)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	40	KPH (GHPH = 0,10)
33	Trichloroethene (C ₂ HCl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	8	KPH (GHPH = 0,10)
34	Vinyl chloride (C ₂ H ₃ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,3	KPH (GHPH = 0,10)
35	Benzene (C ₆ H ₆)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	10	KPH (GHPH = 0,10)
36	Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	300	KPH (GHPH = 0,10)
37	Pentachlorophenol (C ₆ HCl ₅ O)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	9	KPH (GHPH = 0,10)
38	Styrene (C ₈ H ₈)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
39	Toluene (C ₇ H ₈)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	700	KPH (GHPH = 0,10)
40	Xylene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	500	KPH (GHPH = 0,30)
41	1,2 - Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	1000	KPH (GHPH = 0,10)
42	Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	300	KPH (GHPH = 0,10)
43	Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
44	Acrylamide (C ₃ H ₅ NO)	µg/L	US EPA Method 8032A:1996	0,5	KPH (GHPH = 0,10)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
45	Epichlorohydrin (C ₃ H ₅ ClO)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,4	KPH (GHPH = 0,10)
46	Hexachlorobutadiene (C ₄ Cl ₆)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,6	KPH (GHPH = 0,10)
47	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C ₃ H ₅ Br ₂ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	1	KPH (GHPH = 0,10)
48	1,2 - Dichloropropane (C ₃ H ₆ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	40	KPH (GHPH = 0,10)
49	1,3- Dichloropropene (C ₃ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,20)
50	2,4 - D (C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	30	KPH (GHPH = 0,50)
51	2,4 - DB (C ₁₀ H ₁₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	90	KPH (GHPH = 0,50)
52	Alachlor (C ₁₄ H ₂₀ ClNO ₂)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GHPH = 0,10)
53	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	10	KPH (GHPH = 0,50)
54	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	100	KPH (GHPH = 0,10)
55	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₅ NO ₃)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	5	KPH (GHPH = 0,10)
56	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	30	KPH (GHPH = 1,0)
57	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	0,2	KPH (GHPH = 0,05)
58	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	30	KPH (GHPH = 1,0)
59	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	0,6	KPH (GHPH = 0,10)
60	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	1	KPH (GHPH = 0,05)
61	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	100	KPH (GHPH = 0,50)
62	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃)	µg/L	US EPA Method 515.4:2000	9	KPH (GHPH = 0,10)
63	Hydroxyatrazine (C ₈ H ₁₅ N ₅ O)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	200	KPH (GHPH = 10,0)
64	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	9	KPH (GHPH = 1,0)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
65	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	2	KPH (GHPH = 0,50)
66	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	10	KPH (GHPH = 0,50)
67	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GHPH = 1,0)
68	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	6	KPH (GHPH = 1,0)
69	Pendimethalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3620C:2014 US EPA Method 8091:1996	20	KPH (GHPH = 1,0)
70	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GHPH = 5,0)
71	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	20	KPH (GHPH = 0,50)
72	Simazine (C ₇ H ₁₂ ClN ₅)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	2	KPH (GHPH = 0,20)
73	Trifluralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	20	KPH (GHPH = 0,20)
74	2,4,6 - Trichlorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	200	KPH (GHPH = 0,10)
75	Bromat (BrO ₃ ⁻)	µg/L	US EPA Method 300.0:1993	10	KPH (GHPH = 3,0)
76	Formaldehyde (CH ₂ O)	µg/L	US EPA Method 556:1999	500	KPH (GHPH = 100)
77	Monochloramine (NH ₂ Cl)	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	3000	162
78	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	60	KPH (GHPH = 0,20)
79	Bromoform (CHBr ₃)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	100	KPH (GHPH = 0,20)
80	Chloroform (CHCl ₃)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	300	KPH (GHPH = 0,20)
81	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	100	KPH (GHPH = 0,20)
82	Dibromoacetonitrile (C ₂ HBr ₂ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	70	KPH (GHPH = 0,20)
83	Dichloroacetonitrile (C ₂ HCl ₂ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	20	KPH (GHPH = 0,20)
84	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	1	KPH (GHPH = 0,20)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
85	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	20	KPH (GHPH = 5,0)
86	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	50	KPH (GHPH = 5,0)
87	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	200	KPH (GHPH = 5,0)
88	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	0,1	KPH (GHPH = 0,025)
89	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	1,0	KPH (GHPH = 0,05)

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện

Quatest 1



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Nước tại số nhà 400 phố Đồng Cam, xã Thạch Thất, Hà Nội.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiên Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 19L.
- Ngày nhận mẫu: 04/06/2026.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong bình nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/06/2026 đến ngày: 25/06/2026.
- Ngày hoàn thành: 25/06/2026.



TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
1	Trực khuẩn mũ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0
2	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	< 1	0
3	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,02	KPH (GHPH = 0,0010)
4	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	1,3	0,027
5	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	2,4	KPH (GHPH = 0,010)
6	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,003	KPH (GHPH = 0,0010)
7	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,01	KPH (GHPH = 0,0010)
8	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	250	7,85
9	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,05	< 0,0030
10	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	1	KPH (GHPH = 0,0030)
11	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	300	108
12	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	1,5	< 0,15
13	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	2	KPH (GHPH = 0,0030)
14	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,1	KPH (GHPH = 0,0030)
15	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	200	2,21
16	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,2	0,131
17	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,07	KPH (GHPH = 0,003)
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	11	0,191
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,9	KPH (GHPH = 0,01)
20	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,3	KPH (GHPH = 0,010)
21	Selen (Se)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,04	KPH (GHPH = 0,0010)
22	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	250	7,90
23	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ F:2023	0,05	KPH (GHPH = 0,015)
24	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,001	KPH (GHPH = 0,0003)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000	94
26	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (GHPH = 0,005)
27	1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	2000	KPH (GHPH = 0,10)
28	1,2 - Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	30	KPH (GHPH = 0,10)
29	1,2 - Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	50	KPH (GHPH = 0,20)
30	Carbon tetrachloride (CCl ₄)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	2	KPH (GHPH = 0,10)
31	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
32	Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₄)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	40	KPH (GHPH = 0,10)
33	Trichloroethene (C ₂ HCl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	8	KPH (GHPH = 0,10)
34	Vinyl chloride (C ₂ H ₃ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,3	KPH (GHPH = 0,10)
35	Benzene (C ₆ H ₆)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	10	KPH (GHPH = 0,10)
36	Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	300	KPH (GHPH = 0,10)
37	Pentachlorophenol (C ₆ HCl ₅ O)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	9	KPH (GHPH = 0,10)
38	Styrene (C ₈ H ₈)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
39	Toluene (C ₇ H ₈)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	700	KPH (GHPH = 0,10)
40	Xylene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	500	KPH (GHPH = 0,30)
41	1,2 - Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	1000	KPH (GHPH = 0,10)
42	Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	300	KPH (GHPH = 0,10)
43	Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
44	Acrylamide (C ₃ H ₅ NO)	µg/L	US EPA Method 8032A:1996	0,5	KPH (GHPH = 0,10)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
45	Epichlorohydrin (C ₃ H ₅ ClO)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,4	KPH (GHPH = 0,10)
46	Hexachlorobutadiene (C ₄ Cl ₆)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,6	KPH (GHPH = 0,10)
47	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C ₃ H ₅ Br ₂ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	1	KPH (GHPH = 0,10)
48	1,2 - Dichloropropane (C ₃ H ₆ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	40	KPH (GHPH = 0,10)
49	1,3- Dichloropropene (C ₃ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,20)
50	2,4 - D (C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	30	KPH (GHPH = 0,50)
51	2,4 - DB (C ₁₀ H ₁₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	90	KPH (GHPH = 0,50)
52	Alachlor (C ₁₄ H ₂₀ ClNO ₂)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GHPH = 0,10)
53	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	10	KPH (GHPH = 0,50)
54	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	100	KPH (GHPH = 0,10)
55	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₃ NO ₃)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	5	KPH (GHPH = 0,10)
56	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	30	KPH (GHPH = 1,0)
57	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	0,2	KPH (GHPH = 0,05)
58	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	30	KPH (GHPH = 1,0)
59	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	0,6	KPH (GHPH = 0,10)
60	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	1	KPH (GHPH = 0,05)
61	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	100	KPH (GHPH = 0,50)
62	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃)	µg/L	US EPA Method 515.4:2000	9	KPH (GHPH = 0,10)
63	Hydroxyatrazine (C ₈ H ₁₅ N ₅ O)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	200	KPH (GHPH = 10,0)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
64	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	9	KPH (GPHH = 1,0)
65	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	2	KPH (GPHH = 0,50)
66	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	10	KPH (GPHH = 0,50)
67	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GPHH = 1,0)
68	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	6	KPH (GPHH = 1,0)
69	Pendimethalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3620C:2014 US EPA Method 8091:1996	20	KPH (GPHH = 1,0)
70	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GPHH = 5,0)
71	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	20	KPH (GPHH = 0,50)
72	Simazine (C ₇ H ₁₂ ClN ₅)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	2	KPH (GPHH = 0,20)
73	Trifluralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	20	KPH (GPHH = 0,20)
74	2,4,6 - Trichlorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	200	KPH (GPHH = 0,10)
75	Bromat (BrO ₃ ⁻)	µg/L	US EPA Method 300.0:1993	10	KPH (GPHH = 3,0)
76	Formaldehyde (CH ₂ O)	µg/L	US EPA Method 556:1999	500	KPH (GPHH = 100)
77	Monochloramine (NH ₂ Cl)	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	3000	< 150
78	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	60	KPH (GPHH = 0,20)
79	Bromoform (CHBr ₃)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	100	KPH (GPHH = 0,20)
80	Chloroform (CHCl ₃)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	300	KPH (GPHH = 0,20)
81	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	100	KPH (GPHH = 0,20)
82	Dibromoacetonitrile (C ₂ HBr ₂ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	70	KPH (GPHH = 0,20)
83	Dichloroacetonitrile (C ₂ HCl ₂ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	20	KPH (GPHH = 0,20)

1. *Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
84	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	1	KPH (GPHH = 0,20)
85	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	20	KPH (GPHH = 5,0)
86	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	50	KPH (GPHH = 5,0)
87	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	200	KPH (GPHH = 5,0)
88	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	0,1	KPH (GPHH = 0,025)
89	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	1,0	KPH (GPHH = 0,05)

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GPHH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Nước tại đồng hồ tổng cấp cho Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiên Thành Thủ Đô.
- Lượng mẫu: 19L.
- Ngày nhận mẫu: 04/06/2026.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong bình nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/06/2026 đến ngày: 25/06/2026.
- Ngày hoàn thành: 25/06/2026.



TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
1	Trực khuẩn mũ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0
2	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	< 1	0
3	Antimon (Sb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,02	KPH (GHPH = 0,0010)
4	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	1,3	0,032
5	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	2,4	KPH (GHPH = 0,010)
6	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,003	KPH (GHPH = 0,0010)
7	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,01	KPH (GHPH = 0,0010)
8	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	250	7,78
9	Crom (Cr)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,05	< 0,0030
10	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	1	KPH (GHPH = 0,0030)
11	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340 C:2023	300	108
12	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	1,5	< 0,15
13	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	2	KPH (GHPH = 0,0030)
14	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,1	KPH (GHPH = 0,0030)
15	Natri (Na)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	200	2,31
16	Nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,2	0,091
17	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,07	KPH (GHPH = 0,003)
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	11	0,191
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,9	KPH (GHPH = 0,01)
20	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,3	KPH (GHPH = 0,010)
21	Selen (Se)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,04	KPH (GHPH = 0,0010)
22	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	250	7,91
23	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ F:2023	0,05	KPH (GHPH = 0,015)
24	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	0,001	KPH (GHPH = 0,0003)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000	95
26	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,05	KPH (GHPH = 0,005)
27	1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	2000	KPH (GHPH = 0,10)
28	1,2 - Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	30	KPH (GHPH = 0,10)
29	1,2 - Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	50	KPH (GHPH = 0,20)
30	Carbon tetrachloride (CCl ₄)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	2	KPH (GHPH = 0,10)
31	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
32	Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₄)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	40	KPH (GHPH = 0,10)
33	Trichloroethene (C ₂ HCl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	8	KPH (GHPH = 0,10)
34	Vinyl chloride (C ₂ H ₃ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,3	KPH (GHPH = 0,10)
35	Benzene (C ₆ H ₆)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	10	KPH (GHPH = 0,10)
36	Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	300	KPH (GHPH = 0,10)
37	Pentachlorophenol (C ₆ HCl ₅ O)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	9	KPH (GHPH = 0,10)
38	Styrene (C ₈ H ₈)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
39	Toluene (C ₇ H ₈)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	700	KPH (GHPH = 0,10)
40	Xylene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	500	KPH (GHPH = 0,30)
41	1,2 - Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	1000	KPH (GHPH = 0,10)
42	Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	300	KPH (GHPH = 0,10)
43	Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,10)
44	Acrylamide (C ₃ H ₅ NO)	µg/L	US EPA Method 8032A:1996	0,5	KPH (GHPH = 0,10)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
45	Epichlorohydrin (C ₃ H ₅ ClO)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,4	KPH (GHPH = 0,10)
46	Hexachlorobutadiene (C ₄ Cl ₆)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	0,6	KPH (GHPH = 0,10)
47	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C ₃ H ₅ Br ₂ Cl)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	1	KPH (GHPH = 0,10)
48	1,2 - Dichloropropane (C ₃ H ₆ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	40	KPH (GHPH = 0,10)
49	1,3- Dichloropropene (C ₃ H ₄ Cl ₂)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	20	KPH (GHPH = 0,20)
50	2,4 - D (C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	30	KPH (GHPH = 0,50)
51	2,4 - DB (C ₁₀ H ₁₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	90	KPH (GHPH = 0,50)
52	Alachlor (C ₁₄ H ₂₀ ClNO ₂)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GHPH = 0,10)
53	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	10	KPH (GHPH = 0,50)
54	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	100	KPH (GHPH = 0,10)
55	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₅ NO ₃)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	5	KPH (GHPH = 0,10)
56	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	30	KPH (GHPH = 1,0)
57	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	0,2	KPH (GHPH = 0,05)
58	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	30	KPH (GHPH = 1,0)
59	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	0,6	KPH (GHPH = 0,10)
60	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	1	KPH (GHPH = 0,05)
61	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	100	KPH (GHPH = 0,50)
62	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃)	µg/L	US EPA Method 515.4:2000	9	KPH (GHPH = 0,10)
63	Hydroxyatrazine (C ₈ H ₁₅ N ₅ O)	µg/L	US EPA Method 5021A:2014 US EPA Method 8260C:2006	200	KPH (GHPH = 10,0)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
64	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	9	KPH (GHPH = 1,0)
65	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	2	KPH (GHPH = 0,50)
66	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	10	KPH (GHPH = 0,50)
67	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GHPH = 1,0)
68	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	6	KPH (GHPH = 1,0)
69	Pendimethalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3620C:2014 US EPA Method 8091:1996	20	KPH (GHPH = 1,0)
70	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	20	KPH (GHPH = 5,0)
71	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO)	µg/L	US EPA Method 8321 B:2007	20	KPH (GHPH = 0,50)
72	Simazine (C ₇ H ₁₂ ClN ₅)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	2	KPH (GHPH = 0,20)
73	Trifluralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	20	KPH (GHPH = 0,20)
74	2,4,6 - Trichlorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH)	µg/L	US EPA Method 3510C:1996 US EPA Method 3630C:1996 US EPA Method 8270D:2014	200	KPH (GHPH = 0,10)
75	Bromat (BrO ₃ ⁻)	µg/L	US EPA Method 300.0:1993	10	KPH (GHPH = 3,0)
76	Formaldehyde (CH ₂ O)	µg/L	US EPA Method 556:1999	500	KPH (GHPH = 100)
77	Monochloramine (NH ₂ Cl)	µg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	3000	< 150
78	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	60	KPH (GHPH = 0,20)
79	Bromoform (CHBr ₃)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	100	KPH (GHPH = 0,20)
80	Chloroform (CHCl ₃)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	300	KPH (GHPH = 0,20)
81	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	100	KPH (GHPH = 0,20)
82	Dibromoacetonitrile (C ₂ HBr ₂ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	70	KPH (GHPH = 0,20)
83	Dichloroacetonitrile (C ₂ HCl ₂ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	20	KPH (GHPH = 0,20)

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
84	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)	µg/L	US EPA Method 551.1:1995	1	KPH (GPH = 0,20)
85	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	20	KPH (GPH = 5,0)
86	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	50	KPH (GPH = 5,0)
87	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂)	µg/L	US EPA Method 552.2:1995	200	KPH (GPH = 5,0)
88	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	0,1	KPH (GPH = 0,025)
89	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	1,0	KPH (GPH = 0,05)

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.